

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

Kèm theo Giấy rút toán/Ủy nhiệm chi số: RDT2024/
và Giấy rút toán số: RDT2024/2 M ngày 5 tháng 01 năm 2025

Mẫu số 09
Mã hiệu:
Số:

Tài khoản dự toán Đ**Tài khoản tiền gửi:**

- Đơn vị sử dụng ngân sách: Trường Trung học Phổ thông Tiêu La
- Mã đơn vị: 1009977
- Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại: Tài khoản: 8670 034 642, mở tại NH BIDV CN Quảng Nam

(Đơn vị: Đồng)

TT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:							Ghi chú
		Số Tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoán	Tiền học bổng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
L.	Đối với công chức, viên chức		452.730.000	0	0	0	452.730.000	0	0	0		
1	Bùi Cao Vân	8800044099	BIDV CN Quảng Nam	6.315.205			6.315.205					
2	Nguyễn Tân Lượng	8813386876	BIDV CN Quảng Nam	6.315.205			6.315.205					
3	Nguyễn Việt Trung	8843386877	BIDV CN Quảng Nam	6.315.205			6.315.205					
4	Lê Văn Đức	8863386878	BIDV CN Quảng Nam	5.894.191			5.894.191					
5	Liên Thị Thu	8883386879	BIDV CN Quảng Nam	6.315.205			6.315.205					
6	Phan Thị Tinh	8863386880	BIDV CN Quảng Nam	5.894.191			5.894.191					
7	Võ Thị Thủy Nga	8893386881	BIDV CN Quảng Nam	5.894.191			5.894.191					
8	Nguyễn Thị Dương	8813386882	BIDV CN Quảng Nam	6.315.205			6.315.205					
9	Phạm Thị Bích Nga	8833386883	BIDV CN Quảng Nam	5.894.191			5.894.191					
10	Nguyễn Thị Toàn	8863386884	BIDV CN Quảng Nam	5.894.191			5.894.191					
11	Nguyễn Thị Vân	8883386885	BIDV CN Quảng Nam	5.894.191			5.894.191					
12	Nguyễn Hữu Phúc	8833386887	BIDV CN Quảng Nam	5.894.191			5.894.191					
13	Hồ Trần Thị Bảo Chuyên	8844078483	BIDV CN Quảng Nam	5.894.191			5.894.191					
14	Ngô Thị Lành	8873386889	BIDV CN Quảng Nam	5.894.191			5.894.191					
15	Cao Thị Cúc	5625592359	BIDV CN Quảng Nam	5.894.191			5.894.191					
16	Trần Ngọc Nhỏ	8853386890	BIDV CN Quảng Nam	5.894.191			5.894.191					

TT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng			Tổng số	Trong đó:							Ghi chú	
		Số Tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng			Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoản	Tiền học bổng		
17	Nông Thị Oanh	88833386891	BIDV CN Quảng Nam		6.315.205				6.315.205					
18	Nguyễn Thị Thanh Cúc	88033386892	BIDV CN Quảng Nam		5.894.191				5.894.191					
19	Trương Thị Hương	88233386893	BIDV CN Quảng Nam		5.894.191				5.894.191					
20	Nguyễn Thị Thu Hà	88533386894	BIDV CN Quảng Nam		6.315.205				6.315.205					
21	Nguyễn Việt Quang	8800048099	BIDV CN Quảng Nam		5.894.191				5.894.191					
22	Huyền Văn Chung	88733386895	BIDV CN Quảng Nam		5.894.191				5.894.191					
23	Nguyễn Thị Nga	88933386896	BIDV CN Quảng Nam		5.894.191				5.894.191					
24	Thái Ngọc Đới	88233386897	BIDV CN Quảng Nam		5.894.191				5.894.191					
25	Nguyễn Văn Phú	88433386898	BIDV CN Quảng Nam		5.894.191				5.894.191					
26	Phan Thị Phụ	88633386899	BIDV CN Quảng Nam		5.894.191				5.894.191					
27	Nguyễn Trén Vinh	88133386900	BIDV CN Quảng Nam		5.894.191				5.894.191					
28	Nguyễn Thị Kim Nguyệt	88433386901	BIDV CN Quảng Nam		5.894.191				5.894.191					
29	Nguyễn Đức Hiền	88633386902	BIDV CN Quảng Nam		5.894.191				5.894.191					
30	Hồ Thị Hoài Hương	88833386903	BIDV CN Quảng Nam		5.894.191				5.894.191					
31	Mai Thị Trúc Hà	8842927965	BIDV CN Quảng Nam		5.894.191				5.894.191					
32	Hồ Thị Thu Thủy	88133386904	BIDV CN Quảng Nam		5.894.191				5.894.191					
33	Đinh Văn Tú	88333386905	BIDV CN Quảng Nam		6.315.205				6.315.205					
34	Trương Minh Hà	8803341317	BIDV CN Quảng Nam		5.894.191				5.894.191					
35	Nguyễn Thông	88533386906	BIDV CN Quảng Nam		6.315.205				6.315.205					
36	Hoàng Thị Kim Thi	88833386907	BIDV CN Quảng Nam		5.894.191				5.894.191					
37	Nguyễn Thủy Diệu Ánh	88033386908	BIDV CN Quảng Nam		5.894.191				5.894.191					
38	Đỗ Quốc Thiên Trang	88233386909	BIDV CN Quảng Nam		5.894.191				5.894.191					
39	Vân Thị Bé	88033386910	BIDV CN Quảng Nam		5.894.191				5.894.191					
40	Phan Thị May	88333386911	BIDV CN Quảng Nam		6.315.205				6.315.205					
41	Trương Thị Hồng Minh	88533386912	BIDV CN Quảng Nam		6.315.205				6.315.205					
42	Trần Thị Thu Thảo	88733386913	BIDV CN Quảng Nam		5.894.191				5.894.191					

TT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:						Ghi chú		
		Số Tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoản		Tiền học bổng	
43	Đoàn Thị Kim Hoa	8803386914	BIDV CN Quảng Nam	5.894.191				5.894.191					
44	Nguyễn Ngọc Đình	8823386915	BIDV CN Quảng Nam	5.894.191				5.894.191					
45	Phan Châu Niêm	8843386916	BIDV CN Quảng Nam	5.894.191				5.894.191					
46	Hồ Xuân Sơn	8833333793	BIDV CN Quảng Nam	6.315.205				6.315.205					
47	Vương Chí Sĩ	8873386917	BIDV CN Quảng Nam	5.894.191				5.894.191					
48	Nguyễn Tuy	8893386918	BIDV CN Quảng Nam	6.315.205				6.315.205					
49	Phan Thị Lệ Mỹ	8813386919	BIDV CN Quảng Nam	5.894.191				5.894.191					
50	Nguyễn Phúc Hương	8893386920	BIDV CN Quảng Nam	5.894.191				5.894.191					
51	Lê Văn Hiến	8823386921	BIDV CN Quảng Nam	4.210.136				4.210.136					
52	Phan Văn Nghĩa	8843386922	BIDV CN Quảng Nam	5.894.191				5.894.191					
53	Đoàn Thị Phương	8863386923	BIDV CN Quảng Nam	5.894.191				5.894.191					
54	Trần Thị Ngọc Phương	5621023680	BIDV CN Quảng Nam	5.894.191				5.894.191					
55	Đỗ Thị Thuận	8893386924	BIDV CN Quảng Nam	5.894.191				5.894.191					
56	Dương Thị Như Trang	8813386925	BIDV CN Quảng Nam	5.894.191				5.894.191					
57	Lê Hồng Sa	8833386926	BIDV CN Quảng Nam	4.210.136				4.210.136					
58	Nguyễn Thị Thanh	8863386927	BIDV CN Quảng Nam	6.315.205				6.315.205					
59	Phan Thị Thanh Vân	8883386928	BIDV CN Quảng Nam	5.894.191				5.894.191					
60	Nguyễn Xuân Tinh	8803386929	BIDV CN Quảng Nam	5.894.191				5.894.191					
61	Dương Hồng Hải	8883386930	BIDV CN Quảng Nam	6.315.205				6.315.205					
62	Nguyễn Thị Xuân Đào	8813386931	BIDV CN Quảng Nam	5.894.191				5.894.191					
63	Trần Thị Phương Duyên	8833386932	BIDV CN Quảng Nam	5.894.191				5.894.191					
64	Dương Thị Ngọc Hà	8853386933	BIDV CN Quảng Nam	5.894.191				5.894.191					
65	Phạm Thị Sen	8883386934	BIDV CN Quảng Nam	5.894.191				5.894.191					
66	Phạm Thị Xuân Hiếu	8803386935	BIDV CN Quảng Nam	5.894.191				5.894.191					
67	Bùi Quốc Công	8823386936	BIDV CN Quảng Nam	6.315.205				6.315.205					
68	Châu Thị Hiền	8853386937	BIDV CN Quảng Nam	5.894.191				5.894.191					

TT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng			Tổng số	Trong đó:						Ghi chú	
		Số Tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng			Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoản		Tiền học bổng
69	Nguyễn Thị Ngọc Phẩm	8873386938	BIDV CN Quảng Nam	5.894.191				5.894.191					
70	Nguyễn Thị Kim Nguyệt	4203215029786	Agribank Thăng Bình	982.365				982.365					
71	Dương Quốc Huy	8807445999	BIDV CN Quảng Nam	5.894.191				5.894.191					
72	Lê Thị Linh	8893386939	BIDV CN Quảng Nam	5.894.191				5.894.191					
73	Trần Thị Bích Thảo	8873386940	BIDV CN Quảng Nam	5.894.191				5.894.191					
74	Nguyễn Hồ Công Huy	8803386941	BIDV CN Quảng Nam	6.315.205				6.315.205					
75	Lê Đức Nhã	8823386942	BIDV CN Quảng Nam	5.894.191				5.894.191					
76	Nguyễn Thanh Tuấn	8843386943	BIDV CN Quảng Nam	5.894.191				5.894.191					
77	Mai Thị Cẩm Lai	8873386944	BIDV CN Quảng Nam	5.894.191				5.894.191					

Số tiền ghi bằng chữ: Bốn trăm năm mươi hai triệu, bảy trăm ba mươi ngàn đồng chẵn
 II. Phần thuyết minh thay đổi số với tháng trước: đồng

Người lập

Dương Quốc Huy

Kế toán trưởng

Dương Quốc Huy

Thăng Bình, ngày 5 tháng 01 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

Bùi Cao Vân

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Thăng Bình, ngày tháng năm 2025

Giám đốc KBNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng
 được ủy quyền/Giám đốc KBNN quận, huyện

Chuyên viên kiểm soát chi/Giao dịch viên